MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.
2. Địa chỉ: Đường Huỳnh Văn Nghệ, khu phố Gia Ray 2, phường Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:

- Phân xưởng nước Gia Ray: 15.000 m^3/ngày đêm;
- Phân xưởng nước Tâm Hưng Hoà: 10.000 m^3/ngày đêm;
- Trạm Sông Ray: 150 m^3/ngày đêm;
- Phân xưởng nước Định Quán: 4.200 m^3/ngày đêm;
- Phân xưởng nước Tân Phú: 4.200 m^3/ngày đêm;
- Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Phân xưởng nước Gia Ray sử dụng nước hồ Núi Le;
- Phân xưởng nước Tâm Hưng Hoà sử dụng nước hồ Gia Ui;
- Trạm Sông Ray sử dụng nước giếng khoan;
- Phân xưởng nước Định Quán sử dụng nước đập Suối Soong (hồ Ba Giọt);
- Phân xưởng nước Tân Phú: 4.200 m^3/ngày đêm;

5. Thời gian kiểm tra: ngày 23 tháng 10 năm 2026

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 12 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.

- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa trạm Gia Ray, khu phố Gia Ray 2, phường Xuân Lộc.	Nhà dân - Số 343 Hùng Vương, khu phố Gia Ray 1, phường Xuân Lộc.	Áo cưới Minh Thư – khu phố Xuân Hiệp, phường Xuân Lộc.	Nhà dân – khu phố Gia Ray 2, phường Xuân Lộc.	KCN Xuân Lộc, khu phố Gia Ray 3, phường Xuân Lộc.	Bể chứa trạm Tâm Hưng Hòa, ấp Xuân Tâm, xã Xuân Hoà.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	0.00109	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.71	0.46	0.26	0.63	0.42	0.55	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.36	0.36	0.34	0.40	0.40	0.63	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	2.37	2.89	2.29	2.96	3.03	4.29	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.73	6.74	6.67	6.61	6.62	6.88	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.71	0.65	0.77	0.71	0.77	1.48	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Nhà dân - Ấp Xuân Đà, xã Xuân Hòa.	Nhà dân - Số 2014, ấp Xuân Tâm, xã Xuân Hòa.	Cà phê Xuân Lộc - ấp Đoàn Kết, xã Xuân Hòa.	Nhà dân - ấp Xuân Hưng, xã Xuân Hòa.	Giếng khoan trạm Sông Ray.	Nhà dân - Ấp 1, xã Sông Ray.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.26	0.20	0.21	0.22	0.80	0.78	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.51	0.31	0.34	0.40	0.56	0.42	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	2.89	2.59	2.74	2.96	1.26	0.59	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.64	6.74	6.72	7.15	7.18	6.70	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	1.35	1.29	1.48	1.61	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

Đ. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 26 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Bình.
2. Địa chỉ: Tổ 8, KP22, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:

- Trạm Long Bình: 36.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …
- Khu xử lý Vĩnh An: 10.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Trạm Long Bình sử dụng nước mặt sông Đồng Nai.
- Khu xử lý Vĩnh An sử dụng nước hồ Trị An.

5. Thời gian kiểm tra: ngày 23 tháng 10 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 9 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa khu xử lý Vĩnh An.	Nhà dân – Số 30, đường Nguyễn Tất Thành, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Nhà dân - Số 69 đường Trung Tâm, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Nhà dân - Số 151 đường Quang Trung, KP. Vĩnh An 2, phường Trị An.	Nhà dân – Số 37 đường Phan Chi Trinh, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.54	0.54	0.45	0.59	0.60	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.87	1.56	0.91	1.86	1.45	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	2.15	2.89	2.15	3.55	2.74	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.75	6.75	6.72	6.60	6.64	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	1.29	0.65	1.10	0.77	0.84	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Nhà dân - Số 18 đường Lê Đại Hành, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Giếng 1 - trạm Bàu Hàm, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	Giếng 2 - trạm Bàu Hàm, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	Trạm y tế Bàu Hàm, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.60	0.66	0.82	0.83	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	1.76	0.83	0.42	0.59	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	3.33	3.33	0.89	0.67	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.65	8.07	7.89	7.92	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.77	0.52	0.52	0.52	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	0.043	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 26 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Thành.

2. Địa chỉ: Số 113 đường Lê Duẩn, KP. Phước Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai.

3. Công suất thiết kế: …

Tổng số dân được cung cấp nước: khoảng 89.101 người.

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Tuyến ống D1000 từ nhà máy nước Nhơn Trạch (Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1);
- Tuyến ống D500 từ trạm bơm tăng áp KCN Biên Hoà II (Dự án Thiện Tân giai đoạn 1).

5. Thời gian kiểm tra: ngày 23 tháng 10 năm 2026

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 6 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch.	Ngã tư Tín Nghĩa.	UBND phường Long Thành.	Trạm Tam Phước.	Khu công nghiệp Long Thành.	Công ty Vỹ Lợi – KCN Nhơn Trạch 2.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	0.00042	0.00041	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.82	0.78	0.72	0.68	0.68	0.61	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.20	0.43	0.77	0.21	0.30	0.29	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.67	0.74	1.11	0.67	0.81	0.96	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.90	6.64	6.73	6.64	6.73	6.74	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.58	0.65	0.77	0.77	0.84	0.65	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 26 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm